

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 64/2021/DS-ST

Ngày 01 - 02 - 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng  
góp hụi và vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Trịnh Hữu H

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Lê Vũ Linh – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Tuyết S, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dương Hoàng H, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Phạm Văn R, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện ngày 19/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị L trình bày:*

Bà xác định trước đây bà Huỳnh Tuyết S có tham gia các dây hụi do bà làm chủ hụi và vay tiền của bà như sau:

Dây thứ nhất: Ngày 18/9/2013 (âm lịch) bà mở dây hụi tháng, mỗi chung 500.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, tổng số có 38 chung, bà S tham gia 01 chung nhưng trong

danh sách hội ghi tên H. Bà S đã hốt hội nhưng không nhớ số tiền và thời gian hốt hội, bà S còn nợ hội chết chưa đóng nhưng bà không nhớ thiếu bao nhiêu, do khi hốt hội và đóng hội hai bên không có làm biên nhận. Chung hội này đến nay bà S chưa đóng xong hội chết cho bà.

Dây thứ hai: Ngày 01/02/2014 (âm lịch) bà mở dây hội tháng, mỗi chung 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, tổng số có 40 chung, bà S tham gia 01 chung nhưng trong danh sách hội ghi tên 3 H. Đến khoảng kỳ thứ 31 (không nhớ rõ thời gian), bà S hốt hội nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu, khi hốt hội không có làm biên nhận. Chung hội này bà S còn nợ hội chết chưa đóng cho bà với số tiền 9.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Ngày 24/10/2015 (âm lịch) bà mở dây hội tháng, mỗi chung 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, tổng số có 31 chung, bà S tham gia 01 chung nhưng trong danh sách hội ghi tên 3 H. Bà S đã hốt hội nhưng không nhớ số tiền và thời gian hốt hội, bà S còn nợ hội chết chưa đóng nhưng bà không nhớ thiếu bao nhiêu, do khi hốt hội và đóng hội hai bên không có làm biên nhận. Chung hội này đến nay bà S chưa đóng xong hội chết cho bà.

Dây thứ tư: Ngày 08/8/2016 (âm lịch) bà mở dây hội tháng, mỗi chung 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, tổng số có 37 chung, bà S tham gia 01 chung nhưng trong danh sách hội ghi tên 3 H. Đến kỳ thứ 6 (tháng 01/2017 âm lịch) bà S hốt hội được 18.000.000 đồng (sau khi trừ tiền còn 600.000 đồng). Do bà S còn nợ các chung hội chết trước đó chưa đóng cho bà tổng cộng 36.770.000 đồng nên khi bà S hốt hội đã trừ vào số tiền hội đã thiếu, sau khi trừ cần bà S còn thiếu bà tất cả các chung hội chưa đóng với tổng số tiền 18.770.000 đồng, lúc này hai bên có làm biên nhận do bà viết biên nhận và bà S có ký tên vào biên nhận. Đồng thời, chung hội nói trên bà S còn phải đóng hội chết cho bà 31 lần với tổng số tiền 31.000.000 đồng, sau đó bà S chỉ đóng hội chết đến tháng 7/2019, bà S còn nợ hội chết chưa đóng là 4.150.000 đồng, số tiền này bà có ghi theo dõi tại tờ nhận nợ ngày 24/01/2018 (âm lịch) nhưng do bà tự ghi và bà S không có ký nhận nợ.

Dây thứ năm: Bà có mở dây hội mỗi chung 300.000 đồng, không nhớ thời gian mở hội, nửa tháng khai một lần, tổng số có 30 chung có danh sách hội nhưng bà đã làm mất, bà S tham gia 01 chung. Đến kỳ thứ 2 (không nhớ thời gian) bà S đã hốt được hơn 6.000.000 đồng (sau khi trừ tiền còn 150.000 đồng). Sau khi hốt hội bà S có đóng hội chết nhưng chưa đóng xong, bà S còn nợ hội chết chưa đóng 06 lần với số tiền 1.800.000 đồng.

Đến ngày 24/01/2018 (âm lịch), bà và bà S làm biên nhận tổng các chung hội bà S còn nợ bà trước đó là 27.440.000 đồng, biên nhận do bà viết với tiêu đề “tờ nhận nợ cộng lại thêm ba H cộng 24 tháng duyên 5 2018, thêm ba có cộng lại số tiền thiếu vợ 7 R...” và cuối biên nhận bà S có ký ghi họ tên “Huỳnh Tiết S”.

Ngoài ra, vào ngày 18/02/2018, bà S có vay của bà số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 80.000 đồng/1.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên không có làm biên nhận Từ khi vay đến nay bà S chưa trả vốn lãi tiền vay cho bà.

Bà khởi kiện yêu cầu bà S trả cho bà tiền hội và tiền vay còn thiếu tổng cộng 34.590.000 đồng, tính lãi suất số tiền này từ khi làm biên nhận ngày 24/01/2018 (âm lịch) đến nay tính tròn 21 tháng x 500.000 đồng/tháng = 10.500.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi bà S phải trả cho bà là 45.090.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà L thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu bà S trả cho bà số tiền hụi còn thiếu theo biên nhận ngày 24/01/2018 (âm lịch) với số tiền 27.440.000 đồng và tiền vay với số tiền 3.000.000 đồng, tổng cộng tiền hụi và tiền vay là 30.440.000 đồng. Bà không yêu cầu bà S trả lãi đối với số tiền hụi và tiền vay đã nêu, đối với các vấn đề khác bà vẫn giữ nguyên nội dung như trình bày.

*- Tại bản tự khai ngày 07/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Tuyết S trình bày:*

Bà xác định trước đây bà có tham gia các dây hụi và vay tiền của bà Bùi Thị L như sau:

Dây thứ nhất: Ngày 18/9/2013 (âm lịch) bà L mở dây hụi tháng, mỗi chung 500.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, tổng số có 38 chung, bà tham gia 01 chung nhưng trong danh sách hụi ghi tên H. Bà đã hốt hụi ở kỳ thứ tám nhưng không nhớ số tiền và thời gian hốt hụi. Sau khi hốt hụi hàng tháng bà đã đóng hụi chết đầy đủ cho bà L đến khi mãn hụi, do tin tưởng nên khi hốt hụi và đóng hụi hai bên không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến, hiện bà không còn nợ tiền hụi của bà L trong dây hụi này.

Dây thứ hai: Ngày 01/02/2014 (âm lịch) bà L mở dây hụi tháng, mỗi chung 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, tổng số có 40 chung, bà tham gia 01 chung nhưng trong danh sách hụi ghi tên 3 H. Đến khoảng kỳ thứ 31 (không nhớ thời gian) bà hốt hụi nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu, khi hốt hụi không có làm biên nhận, bà còn nợ hụi chết chưa đóng cho bà L với số tiền 9.000.000 đồng (tương ứng 9 lần).

Dây thứ ba: Ngày 24/10/2015 (âm lịch) bà L mở dây hụi tháng, mỗi chung 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, tổng số có 31 chung, bà tham gia 01 chung nhưng trong danh sách hụi ghi tên 3 H. Bà đã hốt hụi nhưng không nhớ số tiền và thời gian hốt hụi. Sau khi hốt hụi hàng tháng bà đã đóng hụi chết đầy đủ cho bà L đến khi mãn hụi, do tin tưởng nên khi hốt hụi và đóng hụi hai bên không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến, hiện bà không còn nợ tiền hụi của bà L trong dây hụi này.

Khoảng tháng 10/2015 (âm lịch), bà có vay của bà L số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất hàng tháng là 240.000 đồng, khi vay hai bên không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến.

Dây thứ tư: Ngày 08/8/2016 (âm lịch) bà L mở dây hụi tháng, mỗi chung 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, tổng số có 37 chung, bà tham gia 01 chung nhưng trong danh sách hụi ghi tên 3 H. Đến kỳ thứ 6 (tháng 01 /2017 âm lịch) bà đã hốt hụi được 18.000.000 đồng (sau khi trừ tiền còn 600.000 đồng). Do lúc này bà còn nợ bà L hụi chết và tiền vay cả vốn lãi tổng cộng 17.500.000 đồng (trong đó hụi chết 9.000.000 đồng, tiền vay 3.000.000 đồng và tiền lãi khoảng 5.000.000 đồng), nên khi bà hốt hụi đã trừ vào số tiền hụi và tiền vay còn thiếu của bà L, sau khi trừ cần bà chỉ còn nhận được khoảng 500.000 đồng, do tin tưởng nên khi hốt hụi và trừ cần vào tiền hụi, tiền vay hai bên không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến. Đồng thời, chung hụi này bà còn phải đóng hụi chết cho bà L 31 lần với tổng số tiền 31.000.000 đồng, sau đó bà đã đóng hụi chết cho bà L được 28 lần với số tiền 28.000.000 đồng, do tin tưởng nên khi đóng hụi hai bên không

có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến, hiện tại bà chỉ còn nợ bà L 03 lần hội chết chưa đóng với số tiền 3.000.000 đồng.

Dây thứ năm: Bà L mở dây hội mỗi chừng 300.000 đồng, không nhớ thời gian mở hội, nửa tháng khai một lần, tổng số có 30 chừng, bà tham gia 01 chừng. Bà đã hốt hội này số tiền gần 6.000.000 đồng nhưng không nhớ thời gian hốt hội. Sau khi hốt hội bà đóng hội chết đầy đủ cho bà L đến khi mãn hội, do tin tưởng nên khi hốt hội và đóng hội hai bên không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến, hiện bà không còn nợ tiền hội của bà L trong dây hội này.

Nay bà chỉ chấp nhận trả cho bà L tiền hội chết còn thiếu 03 lần chưa đóng với số tiền là 3.000.000 đồng. Ngoài ra bà không còn thiếu bà L khoản tiền nào khác. Bà xác định các lần tham gia chơi hội và vay tiền của bà L không có làm biên nhận, đối với biên nhận nợ ngày 24/01/2018 mà bà L cung cấp không phải chữ viết họ tên của bà tại biên nhận.

Tại phiên tòa, bà S vẫn giữ nguyên ý kiến như trình bày, bà không có ý kiến gì khác.

*- Tại biên bản ghi lời trình bày ngày 27/02/2020, ông Dương Hoàng H trình bày:*

Ông là chồng của bà Huỳnh Tuyết S, ông xác định trước đây bà S nhiều lần tham gia chơi hội và vay tiền của bà Bùi Thị L nhưng ông không nắm cụ thể, vì trong quá trình chơi hội và vay tiền ông không có tham gia và không có chứng kiến, sau này ông chỉ nghe bà S nói lại cho ông biết. Số tiền hốt hội và vay tiền của bà L khi đem về bà S sử dụng chi tiêu vào việc gia đình. Hiện ông không nắm rõ bà S còn nợ bà L số tiền hội và tiền vay là bao nhiêu. Ông thống nhất theo ý kiến của bà S, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác tại vụ án, đồng thời ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án.

*- Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/11/2020, ông Phạm Văn R trình bày:*

Ông là chồng của bà Bùi Thị L, ông xác định trước đây bà Huỳnh Tuyết S nhiều lần tham gia chơi hội và vay tiền của bà L, hiện nay bà S còn nợ hội chết và tiền vay của bà S nhưng ông không nắm rõ số tiền bao nhiêu, vì trong quá trình chơi hội và vay tiền ông không có tham gia. Nay bà L khởi kiện bà S yêu cầu trả tiền hội và tiền vay còn thiếu, ông không có yêu cầu gì và không tham gia tại vụ án, ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng với quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần khởi kiện của bà L; buộc bà S trả cho bà L số tiền hội còn thiếu tổng cộng 27.440.000 đồng; không chấp nhận khởi kiện của bà L yêu cầu bà S trả số tiền vay 3.000.000 đồng; về án phí buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hoàng H và ông Phạm Văn R có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H và ông R.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Tuyết S trả tiền hụi và tiền vay đã thiếu. Căn cứ nội dung khởi kiện của đương sự có cơ sở xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi và vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

[3] Xét nội dung khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với bà Huỳnh Tuyết S: Bà L và bà S thừa nhận giữa hai bên nhiều lần giao dịch hụi và vay tiền, tuy nhiên về số tiền bà S còn thiếu bà L thì hai bên trình bày không thống nhất. Cụ thể, bà L và bà S xác định như sau:

Dây thứ nhất: Ngày 18/9/2013 (âm lịch) bà L mở dây hụi tháng, mỗi chung 500.000 đồng, tổng số có 38 chung, bà S tham gia 01 chung, bà S đã hốt hụi nhưng không nhớ số tiền và thời gian hốt hụi, khi hốt hụi và đóng hụi hai bên không có làm biên nhận và không ai chứng kiến. Bà L cho rằng bà S còn nợ hụi chết chưa đóng nhưng bà không nhớ thiếu bao nhiêu. Bà S cho rằng đã đóng hụi chết cho bà L đầy đủ không còn nợ.

Dây thứ hai: Ngày 01/02/2014 (âm lịch) bà L mở dây hụi tháng, mỗi chung 1.000.000 đồng, tổng số có 40 chung, bà S tham gia 01 chung, đến khoảng kỳ thứ 31 (không nhớ thời gian) bà S hốt hụi nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu, khi hốt hụi và đóng hụi không có làm biên nhận. Bà L và bà S thừa nhận chung hụi này bà S còn nợ bà L hụi chết chưa đóng 9.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Ngày 24/10/2015 (âm lịch) bà L mở dây hụi tháng, mỗi chung 1.000.000 đồng, tổng số có 31 chung, bà S tham gia 01 chung, bà S đã hốt hụi nhưng không nhớ số tiền và thời gian hốt hụi, khi hốt hụi và đóng hụi hai bên không có làm biên nhận và không ai chứng kiến. Bà L cho rằng bà S còn nợ hụi chết chưa đóng nhưng bà không nhớ thiếu bao nhiêu. Bà S cho rằng đã đóng hụi chết cho bà L đầy đủ không còn nợ.

Dây thứ tư: Ngày 08/8/2016 (âm lịch) bà L mở dây hụi tháng, mỗi chung 1.000.000 đồng, tổng số có 37 chung, bà S tham gia 01 chung, đến kỳ thứ 6 (tháng 01/2017 âm lịch) bà S hốt hụi được 18.000.000 đồng. Bà L cho rằng do bà S còn nợ các chung hụi trước đó tổng cộng 36.770.000 đồng nên khi bà S hốt hụi đã trừ, sau khi trừ cần bà S còn thiếu bà với số tiền 18.770.000 đồng, lúc này hai bên có làm biên nhận do bà viết và bà S có ký tên; đồng thời chung hụi nói trên bà S còn phải đóng hụi chết cho bà 31 lần với số tiền 31.000.000 đồng, sau đó bà S chỉ đóng hụi chết đến tháng 7/2019, bà S còn nợ hụi chết chưa đóng là 4.150.000 đồng. Bà S cho rằng lúc hốt chung hụi nói trên bà chỉ còn nợ bà L hụi chết và tiền vay trước đó cả vốn lãi tổng cộng 17.500.000 đồng (trong đó hụi chết 9.000.000 đồng, tiền vay 3.000.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng) nên khi bà hốt hụi đã trừ, bà chỉ còn nhận được khoảng 500.000 đồng, khi hốt hụi và trừ cần hai bên không có làm biên nhận; đồng thời chung hụi đã hốt nói trên bà đã đóng hụi chết cho bà L được 28 lần với số tiền 28.000.000 đồng, khi đóng hụi hai bên không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến, hiện bà chỉ còn nợ bà L 03 lần hụi chết chưa đóng với số tiền 3.000.000 đồng.

Dây thứ năm: Không nhớ thời gian mở hội, bà L mở dây hội nửa tháng khai một lần, mỗi chung 300.000 đồng, tổng số có 30 chung, bà S tham gia 01 chung, bà S đã hốt được khoảng 6.000.000 đồng nhưng không nhớ thời gian hốt hội, khi hốt hội và đóng hội hai bên không có làm biên nhận và không ai chứng kiến. Bà L cho rằng bà S còn nợ hội chết chưa đóng 06 lần là 1.800.000 đồng. Bà S cho rằng đã đóng hội chết cho bà L đầy đủ không còn nợ.

Ngoài ra, bà L cho rằng vào ngày 18/02/2018 bà có cho bà S vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 80.000 đồng/1.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên không có làm biên nhận, số tiền vay bà S chưa trả vốn lãi cho bà. Bà S cho rằng bà vay của bà L số tiền 3.000.000 đồng vào khoảng tháng 10/2015 (âm lịch), khi vay tiền hai bên không có làm biên nhận, khi hốt chung hội ở dây thứ tư ngày 08/8/2016 (âm lịch) thì hai bên có trừ cần xong số tiền vay nên bà không còn nợ bà L tiền vay.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà L đã cung cấp tờ nhận nợ ngày 24/01/2018 và biên nhận với tiêu đề phía trên ghi “5215 thiếu 3 H ngày 28 tháng 8 cộng lại”. Bà L cho rằng 02 giấy nợ nói trên do hai bên chốt lại số tiền nợ và đều có chữ ký ghi họ tên của bà S, giấy nợ có nội dung bà S thừa nhận số tiền còn thiếu. Nhưng bà S không thừa nhận chữ ký tên của bà tại 02 giấy nợ mà bà L đã cung cấp, bà S yêu cầu Tòa án trưng cầu cơ quan chuyên môn giám định chữ ký tên tại 02 giấy nợ này. Sau khi Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên tại 02 giấy nợ bà L cung cấp, bà S không nộp chi phí giám định nên Tòa án không thực hiện trưng cầu giám định theo yêu cầu của bà S. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ bà L đã cung cấp và lời trình bày của các đương sự để xem xét giải quyết và có cơ sở kết luận như sau: Từ ngày 18/9/2013 (âm lịch) đến thời điểm lập tờ nhận nợ ngày 24/01/2018 (âm lịch), bà S có tham gia chơi hội tại 05 dây hội do bà L làm chủ hội. Đến ngày 24/01/2018 (âm lịch), sau khi đối chiếu các khoản tiền còn nợ giữa bà L và bà S đã chốt lại tất cả số tiền bà S còn nợ bà L và hai bên có làm tờ nhận nợ với nội dung “cộng lại thiếu ba H cộng 24 tháng duyên 5 2018, thiếu ba có cộng lại số tiền thiếu vợ 7 R 27.440.000, bằng chữ 2 mươi bảy triệu 4 trăm 4 chục ngàn...”. Từ nội dung tờ nhận nợ có cơ sở xác định tại thời điểm lập tờ nhận nợ bà S còn thiếu bà L các khoản nợ với số tiền 27.440.000 đồng.

Đối với bà S cho rằng chỉ còn nợ bà L 03 lần hội chết chưa đóng 3.000.000 đồng (tại dây hội thứ tư ngày 08/6/2016 âm lịch), các chung hội khác bà đã đóng hội đầy đủ không còn nợ bà L, các lần bà đóng hội chết cho bà L đều không có biên nhận và không ai chứng kiến. Bà L không thừa nhận việc đóng hội như bà S trình bày, ngoài lời trình bày ra bà S cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh từ ngày lập tờ nhận nợ ngày 24/01/2018 (âm lịch) đến nay bà S đã đóng hội cho bà L chỉ còn nợ 3.000.000 đồng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà S.

[4] Về khoản tiền bà L cho bà S vay 3.000.000 đồng. Bà L cho rằng số tiền này vay vào ngày 18/02/2018 đến nay chưa trả, nhưng tại phiên tòa bà L không nhớ bà S vay số tiền này vào thời gian nào. Còn bà S cho rằng khoản tiền này vay vào khoảng tháng 10/2015 (âm lịch) và số tiền vay đã trừ cần xong. Về khoản tiền này khi vay hai bên không làm biên nhận, bà S không thừa nhận thời gian vay như bà L trình bày, bà L cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà S vay tiền sau thời gian làm tờ nhận nợ ngày

24/01/2018 (âm lịch), do đó không có cơ sở buộc bà S trả thêm cho bà L tiền vay 3.000.000 đồng.

[5] Đối với biên nhận với tiêu đề phía trên ghi “5215 thêm 3 H ngày 28 tháng 8 cộng lại” do bà L cung cấp, biên nhận này lập vào năm 2016 và nội dung biên nhận chưa thể hiện rõ ràng về các khoản tiền nên không có cơ sở kết luận bà S nợ bà L số tiền cụ thể tại biên nhận này.

[6] Từ những chứng cứ đã nêu, có cơ sở xác định bà S thiếu tiền hụi và tiền vay của bà L tổng cộng với số tiền 27.440.000 đồng, buộc bà S có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ đã nêu là phù hợp. Không chấp nhận khởi kiện của bà L yêu cầu bà S trả số tiền 3.000.000 đồng.

[7] Đối với lãi suất về số tiền nợ nói trên, bà L không yêu cầu bà S trả lãi nên không đặt ra xem xét.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Do khởi kiện của bà L được chấp nhận một phần nên bà S phải chịu án phí đối với số tiền phải có nghĩa vụ, tuy nhiên bà S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp. Bà L phải chịu án phí không có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận là 300.000 đồng, ngày 19/12/2019 bà L nộp tạm ứng án phí số tiền 1.127.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ, bà L được nhận lại 827.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 471, 474, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Bùi Thị L yêu cầu bà Huỳnh Tuyết S trả nợ tiền hụi và tiền vay.

Buộc bà Huỳnh Tuyết S có nghĩa vụ thanh toán tiền hụi và tiền vay cho bà Bùi Thị L tổng cộng với số tiền là 27.440.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn chục ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, bà Bùi Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, bà Huỳnh Tuyết S chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đã nêu thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận khởi kiện của bà Bùi Thị L yêu cầu bà Huỳnh Tuyết S trả số tiền chênh lệch là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bà S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp. Bà L phải chịu án phí không có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận là 300.000 đồng, ngày 19/12/2019 bà L nộp tạm ứng án phí số tiền 1.127.000 đồng theo biên L thu số 0004756 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ, bà L được nhận lại 827.000 đồng (Tám trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Bùi Thị L và bà Huỳnh Tuyết S có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Hoàng H và ông Phạm Văn R vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

**Bùi Văn Việt**